

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **289/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/8/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, con
chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Bà Vương Thị Khánh Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1013/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982

- *Bị đơn:* Ông Lê Anh K, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: 174/37 (số mới là 71/29), tổ 17C, khu phố H, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Lê Anh K tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện C, tỉnh G. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K không lo làm ăn, hay nhậu nhẹt, không có đóng góp kinh tế xây dựng gia đình mà còn nợ nần, nhiều lần bà H phải trả nợ thay, ông K còn thường gây sự với vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng đều không có kết quả. Nay bà H thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó đề

ng nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Anh K.

Về con chung: Quá trình chung sống, H và ông K có 01 con chung là cháu Lê Phước Th, sinh ngày 20/7/2011. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Anh K là có cơ sở chấp nhận. Ngoài việc trình bày của bà H về mâu thuẫn gia đình giữa 02 vợ chồng, Tòa án đã xác minh ông K hiện nay sinh sống tại địa phương nhưng Tòa án triệu tập nhiều lần ông K không đến Tòa để tham gia buổi hòa giải bảo vệ cuộc hôn nhân. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Lê Phước Th, sinh ngày 20/7/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Anh K, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn, con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định bà Hiền là nguyên đơn, ông K là bị đơn trong vụ án.

Bị đơn ông Lê Anh K hiện đang sinh sống tại phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Anh K đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Anh K tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú T, huyện C, tỉnh G. Áp dụng vào các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà H xác định không còn tình cảm với ông K. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân do ông K không lo làm ăn, nợ nần, ăn nhậu và hay gây sự với mẹ con bà H, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Bà H xác định không còn tình cảm với ông K. Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2022 (BL 42), tại địa phương nơi bà H và ông K sinh sống sau khi kết hôn, địa phương không biết về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà. Tuy nhiên, xét thấy cuộc sống hôn nhân của bà H và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông K đã được Tòa án tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có ý kiến. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông K có 01 con chung là cháu Lê Phước Th, sinh ngày 20/7/2011. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu Th hiện đang sống cùng bà H và ông K, cháu có nguyện vọng được sinh sống với bà H. Ông K vắng mặt không có ý kiến về phần con chung, đồng thời xét nguyện vọng của bà H và cháu Th chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông K vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, 9, 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H với bị đơn ông Lê Anh K về việc tranh chấp ly hôn, con chung.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982 được ly hôn với ông Lê Anh K, sinh năm 1979.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Lê Phước Th, sinh ngày 20/7/2011 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông K thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông K vắng mặt không có lời khai nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001158 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H và bị đơn ông Lê Anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hải Thị Liễu

